

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Pháp luật đại cương
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Introduction to laws
1.3 Trình độ đào tạo:	Đại học
1.4 Định hướng đào tạo:	ứng dụng
1.5 Mã học phần:	010018
1.6 Số tín chỉ:	3
1.7 Thuộc khối kiến thức:	Đại cương
1.8 Phân bổ thời gian (số giờ):	
- Lý thuyết:	30
- Bài tập, thảo luận:	
- Thực hành: + Thực hành tích hợp: + Thực hành tại PM, PMP, DN	15
- Tự học:	105
1.9 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Bộ môn Luật, Khoa Kinh tế- Luật
1.10 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN: Pháp luật đại cương là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật, nhằm hình thành tư duy, phương pháp nhận thức và kỹ năng xử lý các tình huống cơ bản liên quan đến pháp luật, trong đó chú trọng đến các lĩnh vực pháp luật thuộc luật tư. Nội dung chủ yếu của môn học này gồm các vấn đề như nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức của nhà nước và pháp luật; hệ thống pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; thực hiện pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý và các chế định quan trọng nhất của Luật dân sự (như tài sản, quyền sở hữu, thừa kế, hợp đồng dân sự, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng); Luật Hôn nhân và gia đình, Luật lao động và pháp luật về tổ tụng dân sự,

luật Phòng, chống tham nhũng. Đây là những kiến thức nền tảng để sinh viên học tiếp các môn học khác về pháp luật trong chương trình đào tạo.

3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

Học phần được thiết kế nhằm trang bị cho người học:

Về kiến thức:

- Trình bày được những vấn đề cơ bản của lý luận về nhà nước và pháp luật, những vấn đề cơ bản, khái quát nhất về hệ thống pháp luật Việt Nam;
- Áp dụng được nội dung chủ yếu của ngành luật dân sự, lao động và pháp luật về tổ tụng dân sự.

Về kỹ năng:

- Biết tìm kiếm qui phạm pháp luật liên quan, hiểu và vận dụng chúng trong quá trình xử lý công việc.
- Giải quyết được một cách cơ bản những tình huống, tranh chấp pháp lý thông dụng liên quan đến các ngành luật đã học.
- Thực hiện được các kỹ năng lập luận, thuyết phục trong viết và nói, kỹ năng phối hợp trong làm việc nhóm theo yêu cầu của giảng viên.

Về thái độ:

- Thể hiện ý thức tôn trọng pháp luật, lựa chọn hành vi hợp pháp và khẳng định sự tự chủ trong các quan hệ xã hội, lao động.
- Nhận nhận, đánh giá các hiện tượng chính trị, pháp lý trong thực tế một cách đúng đắn;
- Hình thành tính chủ động học tập, tự tin, chịu khó trong nghiên cứu.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

4.1 Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu	Nội dung
CLO1	Giải thích và cho ví dụ được các khái niệm, các thuật ngữ pháp lý về nhà nước và pháp luật trong học phần.
CLO2	Xác định được các quy định của pháp luật liên quan đến các sự kiện pháp lý, quyền và nghĩa vụ cơ bản của các chủ thể trong quan hệ pháp luật dân sự, hôn nhân gia đình, lao động, tổ tụng dân sự.
CLO3	Thể hiện được các kỹ năng tìm kiếm văn bản quy phạm pháp luật, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp để hoàn thành các nhiệm vụ.

CLO4	Thể hiện kỹ năng áp dụng các kiến thức về lý luận, về các quy phạm pháp luật cơ bản của các ngành luật đã học để phân tích, bình luận, giải quyết các vấn đề pháp lý thông dụng.
CLO5	Ham học hỏi, có ý thức pháp luật, ý thức kỷ luật và thái độ nghề nghiệp đúng đắn.
CLO6	Lựa chọn hành vi phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội

4.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế...
- *M (Mastery)* – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Chuẩn đầu ra của học phần	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
CLO 1	I									
CLO 2	I									
CLO 3					I					
CLO 4					R					
CLO 5									R	
CLO 6									R	
Tổng hợp học phần	I				R				R	

Chú thích: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* - Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* - Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế...
- *M (Mastery)* - Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* - Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

5. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành Tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học, tự nghiên cứu		
Tuần 1 (4 tiết)	Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC 1.1. Nguồn gốc nhà nước 1.1.1. Các học thuyết phi macxit về nguồn gốc nhà nước 1.1.2. Quan điểm macxit về nguồn gốc nhà nước 1.2. Đặc trưng của nhà nước 1.3. Bản chất, chức năng của nhà nước 1.3.1. Bản chất nhà nước 1.3.2. Chức năng của nhà nước 1.4. Kiểu và hình thức nhà nước trong lịch sử 1.4.1. Kiểu nhà nước 1.4.2. Hình thức nhà nước 1.5. Bộ máy nhà nước 1.5.1. Khái niệm bộ máy nhà nước 1.5.2. Các cơ quan trong bộ máy nhà nước 1.5.3. Bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam	3	1			10	-Thuyết giảng - Phát vấn, gợi mở - Thảo luận nhóm	- Đọc Chương 1, Tập bài giảng pháp luật đại cương. - Đọc Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật (chương 1,2) - Chuẩn bị trả lời câu hỏi về nhận định: Nhà nước là một tổ chức xã hội đặc biệt? phân biệt các hình thức nhà nước trên thế giới. - Chuẩn bị trả lời câu hỏi về lý do Nhà nước dùng pháp luật để quản lý xã hội mà không phải là một quy phạm xã hội nào khác; phân biệt pháp luật với các quy tắc xử sự khác?

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành Tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học, tự nghiên cứu		
Tuần 2 (4 tiết)	Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT 2.1. Nguồn gốc, bản chất, thuộc tính của pháp luật, chức năng và vai trò của pháp luật 2.1.1. Nguồn gốc của pháp luật 2.2.2. Bản chất, thuộc tính của pháp luật 2.2.3. Chức năng và vai trò của pháp luật 2.2. Hệ thống pháp luật 2.2.1. Khái niệm 2.2.2. Hệ thống cấu trúc của pháp luật 2.2.3. Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật	3	1			10	Thuyết giảng - Phát vấn, gọi mở - Thảo luận nhóm	- Đọc Chương 2, Tập bài giảng pháp luật đại cương. - Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật - Chuẩn bị trả lời câu hỏi về phân tích cơ cấu của quy phạm pháp luật đó, ví dụ về một VBQPPL và VB không phải là VBQPP. Giải thích?
Tuần 3 (4 tiết)	Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT (TT) 2.3. Quan hệ pháp luật 2.3.1. Khái niệm, đặc điểm của quan hệ pháp luật 2.3.2. Cấu trúc của quan hệ pháp luật	3	1			9	-Thuyết giảng - Phát vấn, gọi mở - Bài tập tình huống	- Đọc Chương 2, Tập bài giảng pháp luật đại cương. - Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật. - Chuẩn bị trả lời câu hỏi về ví dụ và phân tích cấu trúc của một quan hệ

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành Tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học, tự nghiên cứu		
	2.3.3. Sự kiện pháp lý 2.4. Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý 2.4.1. Thực hiện pháp luật 2.4.2. Vi phạm pháp luật 2.4.3. Trách nhiệm pháp lý						pháp luật, về vi phạm pháp luật và phân tích cấu thành của nó. - Giải quyết tình huống nghiên cứu	
Tuần 4 (4 tiết)	Chương 3: LUẬT DÂN SỰ 1.1. Những vấn đề chung về Luật Dân sự 3.1.1. Khái niệm Luật Dân sự 3.1.2. Quan hệ pháp luật dân sự 3.2. Một số chế định chủ yếu của ngành Luật Dân sự 3.2.1. Tài sản 3.2.2. Quyền sở hữu 3.2.3. Quyền khác đối với tài sản	2	2			9	<ul style="list-style-type: none"> - Phát vấn, gọi mở - Làm việc nhóm giải quyết tình huống 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc Chương 3, Tập bài giảng pháp luật đại cương. - Đọc Bộ luật dân sự năm 2015, Chương XI đến XIV. - Giải quyết bài tập tình huống về các quyền năng thuộc quyền sở hữu và các quyền tài sản khác.
Tuần 5 (4 tiết)	Chương 3: LUẬT DÂN SỰ (tt) 3.2.4. Thừa kế 3.2.5. Chế định hợp đồng dân sự	2	2			10	<ul style="list-style-type: none"> - Phát vấn, gọi mở - Làm việc nhóm - Giải quyết 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc Chương 3, Tập bài giảng pháp luật đại cương. - Đọc Bộ luật dân sự năm 2015, Chương XXI đến XXIV. - Giải quyết tình huống thừa kế do

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành Tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học, tự nghiên cứu		
							tình huống	giảng viên cung cấp. - Đọc Bộ luật dân sự năm 2015, Phần thứ ba “Nghĩa vụ và hợp đồng”, Chương XX. - Chuẩn bị trả lời câu hỏi về điều kiện có hiệu lực của hợp đồng.
Tuần 6 (4 tiết)	Chương 3: LUẬT DÂN SỰ (tt) 3.2.6. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng - Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong một số trường hợp cụ thể.	3	1			9	- Phát vấn, gọi mở - Làm việc nhóm - Giải quyết tình huống	- Đọc Chương 3, Chương 4, Tập bài giảng pháp luật đại cương - Phân biệt trách nhiệm BTTH ngoài hợp đồng với trách nhiệm BTTH trong hợp đồng. - Chuẩn bị một tình huống cụ thể liên quan đến bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và thử nêu phương hướng giải quyết. - Giải quyết bài tập tình huống GV giao
Tuần 7 (4 tiết)	Chương 4: LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH 4.1. Khái quát chung	2	2			9	- Thuyết giảng	- Đọc Chương 3, Chương 4 Tập bài giảng pháp luật đại cương

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành Tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học, tự nghiên cứu		
	4.1.1. Đối tượng điều chỉnh 4.1.2. Phương pháp điều chỉnh 4.1.3. Các nguyên tắc cơ bản của Luật hôn nhân và gia đình 4.2. Những nội dung cơ bản của Luật Hôn nhân và gia đình 4.2.1. Kết hôn 4.2.2. Quan hệ giữa vợ và chồng						<ul style="list-style-type: none"> - Phát vấn, gọi mở - Bài tập tình huống 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành. - Giải quyết bài tập tình huống.
Tuần 8 (4 tiết)	Chương 4: LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH (TT) 4.2.3 Quan hệ giữa cha mẹ và con cái 4.2.4. Ly hôn Chương 5: LUẬT LAO ĐỘNG 5.1. Khái quát chung 5.1.1. Đối tượng điều chỉnh 5.1.2. Phương pháp điều chỉnh của Luật Lao động - Kiểm tra quá trình	3	1			10	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng. - Phát vấn, gọi mở - Bài tập tình huống 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc Chương 4, Chương 5 Tập bài giảng pháp luật đại cương - Đọc Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành. - Chuẩn bị trả lời câu hỏi về điều kiện kết hôn, tài sản chung và riêng của vợ và chồng. - Giải bài tập tình huống do gv cung cấp hoặc sv nêu ra.
Tuần 9 (4 tiết)	Chương 5: LUẬT LAO ĐỘNG (TT)	2	2			9	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc Chương 5 Tập bài giảng pháp luật đại cương.

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành Tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học, tự nghiên cứu		
	5.2. Một số chế định cơ bản của Luật Lao động 5.2.1. Hợp đồng lao động 5.2.2. Tiền lương 5.2.3. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi 5.2.4. Bảo hiểm xã hội 5.2.5. Kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất						<ul style="list-style-type: none"> - Phát vấn, gợi mở. - Bài tập tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc Bộ luật lao động năm 2019 Chuẩn bị câu hỏi về các loại HĐLĐ, các loại hình bảo hiểm và đối tượng áp dụng. - Giải quyết bài tập tình huống
Tuần 10 (4 tiết)	Chương 6: PHÁP LUẬT VỀ TỔ TỤNG DÂN SỰ 6.1. Khái niệm và nguyên tắc của Luật tố tụng dân sự Việt Nam 6.2. Chủ thể của Luật tố tụng dân sự 6.3. Thẩm quyền của Tòa án 6.4. Thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự 6.4.1. Thủ tục giải quyết vụ án dân sự 6.4.2. Thủ tục giải quyết việc dân sự	4	1			10	<ul style="list-style-type: none"> - Phát vấn, gợi mở. - Làm việc nhóm (thực hành). 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc Chương 6 Tập bài giảng pháp luật đại cương. - Đọc Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. - Làm bài tập về thẩm quyền của Tòa án do GV giao.
Tuần 11 (5 tiết)	Chương 7: LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG 7.1. Khái niệm, đặc điểm của tham nhũng.	3	2			10	<ul style="list-style-type: none"> - Phát vấn, gợi mở. - Làm việc nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc Luật phòng, chống tham nhũng 2018 - Giải quyết bài tập tình huống

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành Tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học, tự nghiên cứu		
	7.2. Các hành vi tham nhũng. 7.3. Phòng ngừa và xử lý tham nhũng Ôn tập+ giải đáp							
		30	15			105		

6. HỌC LIỆU:

6.1 Tài liệu chính: (tối đa 3 quyển)

- Tập bài giảng Pháp luật đại cương của tập thể giảng viên Bộ môn Luật.

6.2 Tài liệu tham khảo: (tối đa 5 quyển)

- Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Lý luận nhà nước và pháp luật*, Nxb. CAND, 2021.
- Lê Minh Toàn, *Giáo trình Pháp luật đại cương*, Nxb. CTQG Sự thật, Hà Nội, 2022.
- Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, *Giáo trình Pháp luật về tài sản, quyền sở hữu tài sản và quyền thừa kế*, Nxb Hồng Đức, 2012.
- Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh, *Giáo trình pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*, Nxb. Hồng Đức- Hội Luật gia Việt Nam, 2014.
- Trường đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật tổ tụng dân sự Việt Nam*, Nxb Hồng Đức, 2013.

• Văn bản quy phạm pháp luật

- Hiến pháp 2013
- Bộ luật Dân sự 2015
- Bộ luật Lao động 2019
- Bộ luật Tố tụng dân sự 2015
- Luật Ban hành văn bản QLPL 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)
- Luật Phòng, chống tham nhũng 2018.
- Các văn bản dưới luật có liên quan.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

7.1 Đánh giá quá trình: trọng số 40% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Điểm chuyên cần: Sinh viên đi học thường xuyên, tham gia tích cực các hoạt động học tập, chăm phát biểu	Đánh giá ý thức, thái độ trong việc chấp hành nội quy trường lớp, ý thức học tập tại lớp và ở nhà.	CLO 5, 6	10%
2	Bài tập nhóm: Tùy vào sĩ số lớp, GV sẽ phân chia SV vào các nhóm, mỗi nhóm từ 5-9 SV. Mỗi nhóm sẽ được giao một đề tài cụ thể trong phạm vi môn học. Đến chủ đề của nhóm nào, nhóm đó sẽ lên trình bày trước lớp bằng file power point. Mỗi nhóm sẽ có 20 phút để thuyết trình và 10 phút tương tác, phản biện trước lớp học. GV sẽ có bảng điểm đánh giá chung của nhóm và đánh giá từng cá nhân tham gia nhóm.	Đánh giá khả năng hiểu và áp dụng kiến thức học phần Pháp luật đại cương.	CLO 1,2	30%
3	Kiểm tra giữa học phần Thời gian làm bài: 45 phút - Phạm vi kiến thức trong đề kiểm tra: từ chương 1 đến chương 5. - Cơ cấu đề kiểm tra: gồm câu hỏi trắc nghiệm hoặc 1 số câu tự luận, hoặc nhận định đúng- sai và 1-2 bài tập tình huống. - Được sử dụng tài liệu.	Đánh giá mức độ hiểu biết về lý luận và các quy định của pháp luật thực định để trả lời các câu hỏi trong đề.	CLO 3, 4	60%
	TỔNG			100%

7.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 60% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN

BÀI THI TRẮC NGHIỆM Thời gian thi 60 phút Gồm có 40-50 câu hỏi trắc nghiệm nội dung bao quát từ chương 1 đến chương 6, bao gồm cả câu hỏi lý luận và bài tập vận dụng. SV chọn đáp án đúng nhất. SV được sử dụng tài liệu	Đánh giá về kiến thức: Đánh giá mức độ biết, hiểu và áp dụng các vấn đề lý luận cơ bản của pháp luật và các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam liên quan đến học phần của mỗi sinh viên.	CLO 1,2	40%
	Đánh giá về kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá khả năng phát hiện vấn đề, kỹ thuật tìm quy phạm pháp luật tương ứng, giải thích, lập luận để giải quyết các vấn đề liên quan đến văn bản quy phạm pháp luật, vi phạm pháp luật, quan hệ pháp luật... và các tình huống về quyền sở hữu, thừa kế, hợp đồng, lao động, và tố tụng.	CLO 3,4	60%
Tổng			100%

8. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

8.1 Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên vào lớp đúng giờ, tham dự đầy đủ các buổi học, tham dự thảo luận, phản biện nhóm và các hoạt động học tập khác cho môn học.

8.2 Quy định về hành vi lớp học

Không nói chuyện, làm việc riêng trong giờ học, tuân thủ đúng quy định của lớp học.

8.3 Quy định về học vụ

Sinh viên vắng học sẽ bị trừ điểm chuyên cần.

Sinh viên không tham dự kì thi cuối kì bị coi là không hoàn thành học phần.

9. HOLISTIC RUBRIC

Bảng 01. Rubric đánh giá điểm chuyên cần và tham gia thảo luận/trả lời trên lớp

Tiêu chí	CDR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Số buổi dự học (đủ tiết/buổi) theo thời khóa biểu	CLO5,6	50%	Tham dự < 70% số buổi học	Tham dự từ 70% đến < 80% số buổi học	Tham dự từ 80% đến < 90% số buổi học	Tham dự từ 90% số buổi học trở lên.

Sự chủ động, tích cực tham gia thảo luận/trả lời câu hỏi		50%	Không tham gia thảo luận/trả lời đúng dưới 50% các câu hỏi về nội dung bài học.	Có tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% các câu hỏi về nội dung bài học.	Có tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% các câu hỏi về nội dung bài học.	Nhiệt tình tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 85% đến 100% các câu hỏi về nội dung bài học.
--	--	-----	---	--	--	--

Bảng 02. Rubric đánh giá kết quả làm việc nhóm (hoặc thuyết trình)

Tiêu chí	CĐR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Tổ chức và phối hợp tham gia thực hiện của các thành viên trong nhóm	CLO 5,6	15%	< 40% số lượng thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm	Từ 40% đến 60% số lượng thành viên trở lên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm	Từ 60% đến 80% số lượng thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm	Từ 80% đến 100% thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm
Hình thức bài báo cáo kết quả làm việc nhóm	CLO 5,6	10%	Sơ sài, không đầy đủ các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận), font chữ không đồng bộ, nhiều lỗi chính tả.	Các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận) chưa rõ, font chữ đúng quy định, còn lỗi chính tả.	Đầy đủ các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận) rõ ràng, font chữ đúng quy định, còn lỗi chính tả.	Đẹp, rõ ràng các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận), không lỗi chính tả
Kỹ năng trình bày trước đám đông	CLO 3,4	15%	Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu với người nghe	Nói nhỏ, có giao lưu với người nghe, nhưng không tự tin.	Trình bày rõ ràng ở mức tốt, có phong cách tự tin khi giao lưu nhưng chưa xuất sắc.	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu với người nghe.
Tương tác/trả lời câu hỏi	CLO 1,2	30%	Trả lời đúng dưới 50% số câu hỏi được đặt ra.	Trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% số câu hỏi được đặt ra.	Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% số câu hỏi được đặt ra.	Trả lời đúng từ 85% đến 100% số câu hỏi được đặt ra.
Nội dung Bài báo cáo kết quả làm việc nhóm	CLO 3,4	30%	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu về nội dung.	Đáp ứng từ 50% đến dưới 70% yêu cầu về nội dung.	Đáp ứng từ 70% đến dưới 80% yêu cầu về nội dung.	Đáp ứng từ 80% đến 100% yêu cầu về nội dung.

Bảng 03. Rubric đánh giá bài kiểm tra quá trình hoặc thi cuối kỳ (trắc nghiệm)

Tiêu chí	CDR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Các câu hỏi trắc nghiệm ở cấp độ nhớ, hiểu (dễ)	CLO1,2	30%	Trả lời đúng dưới 50% số lượng câu hỏi trong bài thi.	Trả lời đúng từ 50% đến 70% số lượng câu hỏi trong bài thi.	Trả lời đúng từ 70% đến 85% số lượng câu hỏi trong bài thi.	Trả lời đúng từ 85% đến 100% số lượng câu hỏi trong bài thi.
Các câu hỏi trắc nghiệm ở cấp độ vận dụng (trung bình)	CLO3	40%				
Các câu hỏi trắc nghiệm ở cấp độ phân tích (khó)	CLO4	30%				

Bảng 04. Rubric đánh giá bài thi quá trình (Tự luận)

Tiêu chí	CDR	Cấu trúc điểm thành phần	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Mức cơ bản	CLO1, 2	60%	Trả lời đúng dưới 50% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 50% đến 70% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 70% đến 85% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 85% đến 100% nội dung yêu cầu trong bài thi.
Mức nâng cao	CLO3, 4	40%				

Bảng 05. Rubric đánh giá kết quả chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra môn học	Tỷ lệ	Mới bắt đầu	Biết sơ sài	Hiểu sơ bộ	Hiểu cặn kẽ	Hiểu sâu
		0 - 3.4	3.5 - 4.9	5.0 - 6.9	7.0-8.4	8.5-10
CLO1	15%	Mới thu nhận được một số ít thông tin mang tính rời rạc	Mới thiết lập được sự liên hệ giữa một số ít thông tin được thu nhận	Hiểu được các thông tin cơ bản và thiết lập được mối liên hệ sơ lược giữa chúng	Hiểu khá đầy đủ các thông tin cần thiết và thiết lập được mối liên hệ giữa chúng	Hiểu đầy đủ các thông tin cần thiết. Có thể khái quát hóa các thông tin thu nhận, đánh giá và vận dụng chúng vào các tình huống khác nhau, hoặc
CLO2	15%					
CLO3	20%					
CLO4	20%					
CLO5	15%					

CLO6	15%					sáng tạo ra cái mới
Tổng điểm	100%					

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày....tháng....năm 2023

TUO. Hiệu trưởng 
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
PHỤ TRÁCH PHÒNG QLKH

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn





Tô Thị Hồng Hà




PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga